TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày 06-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Tuyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tấn Phát – Cán bộ hưu trí;
2. Ông Lê Tấn Phát – Công tác tại Thành Đoàn thành phố Tây Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Lưu Trần Ngọc T, sinh ngày 30/4/2007, tại tỉnh Tây Ninh; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Cao S, sinh năm 1963 và bà Trần Thị H, sinh năm 1964; chồng: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:

Ông Lưu Cao S, sinh năm 1963 (cha ruột); vắng mặt.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1964 (mẹ ruột); có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Lê Thanh Đ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn L, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Trần Ngọc T quen biết với anh Phạm Văn L, sinh năm 2001, nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh qua mạng xã hội từ tháng 11/2021. Ngày 27/12/2023, T rủ anh L lên thành phố T chơi, anh L đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh L điều khiển xe mô tô biển số 70F1-727.27 đến chở T đi chơi, đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T rủ anh L đi xem phim, anh L nói không có căn cước công dân thì không vô xem phim được. Do thiếu tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 70F1-727.27 của anh L để bán lấy tiền, T nói dối có bạn nhà ở trong hẻm B, đường N thuộc Khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh và nhờ anh L chở đến để mượn căn cước công dân. Khi đến đầu hẻm B, T kêu anh L giao xe để T vào mượn căn cước công dân. Sau khi nhận được xe T điều khiển về nhà.

Sáng ngày 28/12/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 70F1-727.27 đi đổ xăng phát hiện trong cốp xe có 01 bóp da, bên trong có 01 nhẫn vàng, tiền Việt Nam 200.000 đồng, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 70F1-727.27 và giấy tờ cá nhân của anh L. T đến tiệm V1 thuộc Khu phố B, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để bán nhẫn vàng, sau khi kiểm tra là vàng 18K, trọng lượng 1,8 chỉ, tiệm V2 mua với giá 4.765.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục lên mạng xã hội Facebook vào các hội nhóm mua bán xe cũ để tìm người mua xe và bán xe mô tô biển số 70F1-727.27 cho anh Huỳnh Quốc T1, sinh năm 1995, nơi cư trú: Khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh với giá 15.500.000 đồng, T đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, cùng ngày anh L trình báo Công an.

Riêng anh T1 sau khi mua xe đã bán cho anh Nguyễn Thạnh P, sinh năm 1983, cư trú tại thị xã H, tỉnh Tây Ninh với giá 18.000.000 đồng, anh P bán lại cho anh Lê Phước L1, sinh năm 1974, nơi cư trú: Số F L thuộc khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh với giá 19.500.000 đồng. Khi biết xe mô tô là tài sản do người khác phạm tội mà có, anh Lê Phước L1 tự nguyện giao nộp xe cho Công an, anh L1 đã nhận đủ tiền bỏ ra mua xe, không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra Lưu Trần Ngọc T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên, tự nguyện tác động gia đình trả lại cho anh Huỳnh Quốc T1 số tiền 15.500.000 đồng.

* Kết luận định giá tài sản số 31 ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 70F1-727.27, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, dung tích 149cc, màu sơn: Trắng - Đỏ - Đen, số khung 1010KY194042, số máy G3D4E963079 có giá 15.000.000 đồng;

- 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,8 chỉ có giá 8.280.000 đồng;

- 01 bóp da nam màu đen (không xác định hiệu) không đủ cơ sở định giá.

Tổng cộng 23.280.000 đồng.

Kết quả thu giữ vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Docomo màu trắng loại F04K của bị cáo Thanh

Về trách nhiệm dân sự**:** Anh Phạm Văn L đã nhận lại xe mô tô biển số 70F1-727.27 và yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho anh L được 1.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng bị cáo T chưa bồi thường; bị cáo đã tác động gia đình trả lại tiền mua xe cho anh Huỳnh Quốc T1 số tiền 15.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKSTC ngày 08-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Trần Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; các Điều 65, 91, 101 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Docomo màu trắng loại F04k.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo T bồi thường cho anh L số tiền 9.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ như trong cáo trạng đã nêu, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa bà Trần Thị H tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng thay cho bị cáo T nên ghi nhận.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài ngày 27/12/2024 bị cáo T đã nói dối với anh L mục đích để lấy xe mô tô của anh L đem bán lấy tiền tiêu xài.

Quá trình điều tra bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân.

[3] Khi quyết định hình phạt có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như:

[3.1] Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra bị cáo tác động gia đình trả lại cho anh T1 số tiền 15.500.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[3.3] Về hình phạt: Bị cáo T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên. Tuy nhiên, bị cáo chưa bồi thường số tiền 9.000.000 đồng cho bị hại, sau khi chiếm đoạt được xe của anh L, anh L có điện thoại cho bị cáo nhiều lần nhưng bị cáo không nghe điện thoại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Docomo, màu trắng loại F04k của bị cáo T, không có liên quan đến việc phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đang giữ.

Ghi nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L xe mô tô biển số 70F1-727.27, giấy đăng ký xe và 01 bóp da nam màu đen.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 46, 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho anh L số tiền 9.000.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khoản 2 Điều 51, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ là không phù hợp. Bởi lẽ, bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại có trị 23.280.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận sau khi chiếm đoạt xe anh L, anh L có điện thoại cho bị cáo nhiều lần nhưng bị cáo không nghe điện thoại, như vậy đã thể hiện ý thức muốn chiếm đoạt tài sản của anh L, bị cáo chưa bồi thường xong cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo án treo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với anh Huỳnh Quốc T1, anh Nguyễn Thạnh P, anh Lê Phước L1 và chị Lâm Kim N chủ tiệm V1 do không biết các tài sản của Lưu Trần Ngọc T mang đến để bán là do phạm tội mà có, nên không xem xét xử lý hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo Lưu Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; các Điều 65, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Trần Ngọc T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lưu Trần Ngọc T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Docomo màu trắng loại F04k.

Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đang giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 46, 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lưu Trần Ngọc T có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Văn L số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Ghi nhận bà Trần Thị H (mẹ của bị cáo) tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng thay cho bị cáo T.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lưu Trần Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- Đội ĐTTP về TTATXH;
- Đội PV 27;
- CC THADS TPTN;
- THAHS;
- UBND xã Trường Hòa.
- Bị cáo; những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyền